



Số: 148/2018/BCKTHN-HCM.00623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày lập bằng cân đối kế toán hợp nhất, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.346.051.670 VND. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền cho các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ và hợp lý các hạn mức tín dụng. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục trong 12 tháng tới.



TRANG ĐÁC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2018

ĐỖ CHÍ LIỄU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.632.976.877	54.779.296.947
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.830.763.907	14.168.035.416
Tiền	111	5.1	6.830.763.907	14.168.035.416
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.721.549.037	18.855.594.873
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.332.923.350	13.338.452.959
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	236.886.360	4.935.888.653
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.151.739.327	581.253.261
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		22.581.987.469	21.107.714.221
Hàng tồn kho	141	5.5	23.819.623.685	21.339.823.666
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.237.636.216)	(232.109.445)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.498.676.464	647.952.437
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	220.199.258	87.584.361
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.278.477.206	560.368.076
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

044
CỘNG
HỘI
HỘI
VIỆ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.028.976.402	76.935.047.889
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		101.762.847.264	70.428.437.903
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	80.821.341.075	48.890.620.569
Nguyên giá	222		102.653.603.159	67.384.783.826
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.832.262.084)	(18.494.163.257)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	20.941.506.189	21.537.817.334
Nguyên giá	228		23.910.406.901	23.910.406.901
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.968.900.712)	(2.372.589.567)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.727.109.980
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	-	5.727.109.980
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.266.129.138	779.500.006
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	2.018.601.895	779.500.006
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	247.527.243	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.661.953.279	131.714.344.836

5995
 T Y
 HỮU
 QUẢN
 NA
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		78.980.278.832	57.795.825.235
Nợ ngắn hạn	310		55.979.028.547	50.441.287.909
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	23.176.077.092	18.337.687.615
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.272.279.372	5.562.129.803
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	569.088.934	497.931.164
Phải trả người lao động	314	5.14	320.280.670	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	138.000.000	34.642.545
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	265.012.954	53.077.887
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	27.396.955.402	25.281.199.708
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	841.334.123	674.619.187
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		23.001.250.285	7.354.537.326
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	823.000.000	1.381.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	22.178.250.285	5.973.037.326
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.681.674.447	73.918.519.601
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	74.681.674.447	73.918.519.601
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.205.500.000	2.205.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.062.369.168	3.427.994.232
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.413.805.279	8.285.025.369
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		3.338.805.786	1.819.268.665
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.074.999.493	6.465.756.704
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.661.953.279	131.714.344.836


ĐOÀN KIM VÂN
 Người lập biểu


ĐOÀN KIM VÂN
 Kế toán trưởng



THÁI NHÃ NGÔN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134.723.531.189	122.798.115.756
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.808.082.352	1.893.760.835
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.915.448.837	120.904.354.921
Giá vốn hàng bán	11	6.3	104.119.740.594	97.449.861.210
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.795.708.243	23.454.493.711
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	40.681.060	175.831.088
Chi phí tài chính	22	6.5	3.312.572.820	106.064.584
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.301.820.320</i>	<i>106.064.584</i>
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.6	5.076.706.640	3.263.164.030
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.938.161.553	9.993.688.505
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.508.948.290	10.267.407.680
Thu nhập khác	31	6.8	601.077.262	237.441.169
Chi phí khác	32	6.9	190.692.965	795.860.201
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		410.384.297	(558.419.032)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.919.332.587	9.708.988.648
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	1.823.110.465	1.626.792.766
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(247.527.243)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.343.749.365	8.082.195.882
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.343.749.365	8.082.195.882
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	927	1.233


ĐOÀN KIM VÂN
 Người lập biểu


ĐOÀN KIM VÂN
 Kế toán trưởng




THÁI NHÃ NGÔN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2018